

Bản án số: 43/2017/HSST
Ngày 02 tháng 8 năm 2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Vũ.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

2. Ông : Hoàng Quốc Trị.

Nghề nghiệp: Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc xã G, huyện G, tỉnh N.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Minh- Cán bộ
Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/8/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử
sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2017/HSST ngày 30/5/2017 đối với bị cáo:

Bùi Văn T, sinh năm 1986. Trú tại: Phố B, phường N, thành phố N, tỉnh
N. Trình độ văn hoá: Lớp 9/10. Nghề nghiệp: Lao động tự do, con ông Bùi Văn
T1 và bà Vũ Thị T2; Vợ con chưa có. Tiền sự: Không, tiền án:

- Tại Bản án số 154/2005/HSST ngày 14/9/2005, Tòa án nhân dân thành
phố N, tỉnh N xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều
138 BLHS, ra trại ngày 12/3/2006.

- Tại Bản án số 25/2007/HSST ngày 23/10/2007, Tòa án nhân dân huyện
H, tỉnh N xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138
BLHS, ra trại ngày 06/12/2008.

- Tại Bản án số 167/2009/HSST ngày 28/12/2009, Tòa án nhân dân thành
phố N, tỉnh N xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều
138 BLHS, ra trại ngày 06/5/2013.

- Tại Bản án số 360/2013/HSST ngày 30/9/2013, Tòa án nhân dân quận
H, Thành phố H xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều
138 BLHS, ra trại ngày 19/3/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại
tạm giam Công an tỉnh N - có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1-Anh Lê Chiến C, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N.

2- Anh Bùi Đình T, sinh năm 1988.

Trú tại: Xóm 4 T, xã G, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa những người bị hại đều vắng mặt. Anh C có đơn xin xử vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1975.

Trú tại: Đội 9, xã T, huyện Y, tỉnh N.

2- Anh Phạm Quốc H, sinh năm 1990.

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện H, tỉnh N.

3- Anh Lê Văn V, sinh năm 1984.

Trú tại: Phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh N.

4- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988.

Trú tại: Xóm V, xã N, huyện H, tỉnh N.

5- Anh Quách Văn N, sinh năm 1995.

Trú tại: Xóm 2 P, xã G, huyện G, tỉnh N.

6- Anh Kiều Việt D, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

7- Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1986.

Trú tại: Thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

8- Chị Quách Thị L, sinh năm 1993.

Trú tại: Xóm 2 P, xã G, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Anh V, anh T có đơn xin xử vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố về hành vi phạm tội như sau. Trong các ngày 19/02/2017 và 28/02/2017, Bùi Văn T đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã G và G, huyện G cụ thể:

Vụ thứ nhất: Tối ngày 18/02/2017, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Ferrolì biển kiểm soát 35H4-5723 chở chị Quách Thị L, sinh năm 1993, trú tại xóm 2, P, xã G, huyện G, tỉnh N về nhà chị L. Sau đó T điều khiển xe mô tô đi theo đường 477 để về nhà. Khoảng 23h30 cùng ngày, khi đi qua cửa hàng điện thoại của anh Lê Chí C, sinh năm 1986, tại đường 477, thôn T, xã G, huyện G, T phát hiện thấy cửa hàng đang đóng, không có ai trong cửa hàng nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T cho xe mô tô dừng ở hàng cây rìa đường để giấu xe, sau đó mở cốp

xe mô tô lấy 01 chiếc kìm điện rồi đi bộ quay lại cửa hàng điện thoại của anh C. Trên đường đi T nhặt ở rìa đường 01 chiếc túi nilong màu xanh mang theo. T trèo lên cây bên cạnh quán điện thoại lên mái nhà rồi dùng kìm điện để vặn ốc vít của mái tôn. T dùng kìm cắt mái tôn một khoảng kích thước (54x110)cm và cắt trần nhựa một khoảng kích thước (37x51)cm, rồi chui người vào trong cửa hàng điện thoại. Phát hiện thấy có chìa khóa của quầy trưng bày điện thoại đang cắm ở ổ khóa, T đã mở khóa quầy trưng bày điện thoại lấy 20 chiếc điện thoại di động cũ các loại gồm: 07 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Microsoft – RM 1069; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V8506, vỡ màn hình; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT Buk2; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT Buk3; 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A105, không có pin; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A116, không có pin; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel Win A2, không có pin; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Goly G101, không có pin; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Goly G102, không có pin; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone X6319; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C2, không có pin; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i, không có pin; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, không có pin, cho vào túi nilong rồi trèo ra ngoài theo lối T vào. Sau đó T lấy xe mô tô và đi về nhà. T giấu toàn bộ số điện thoại trộm cắp được dưới gầm giường tại lán của gia đình. Số điện thoại trên T đã đem 10 chiếc đi tiêu thụ (gồm ngày 22/02/2017, Bùi Văn T cho anh Quách Văn N, sinh năm 1995, trú tại thôn P, xã G, huyện G (em trai chị Quách Thị L) 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Microsolf – RM 1069; bán cho cửa hàng điện thoại Hoài Nam của anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1975, ở Đội 9, xã Y, huyện Y, tỉnh N 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1110i, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu FPT Buk2 và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1202 với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng); bán cho cửa hàng điện thoại Bảo Khánh của anh Phạm Quốc H, sinh năm 1990, ở xóm T, xã N, huyện H 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Microsolf – RM 1069 với giá 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng); bán cho cửa hàng điện thoại Việt Dũng của anh Kiều Việt D, sinh năm 1987, ở thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh N 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Microsolf – RM 1069 với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); bán cho cửa hàng điện thoại Quang Hà của chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1986, ở thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh N 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Microsolf – RM 1069 với giá 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng); bán cho 02 cửa hàng điện thoại ở thành phố N (không xác định được tên và địa chỉ cửa hàng) 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Microsolf – RM 1069 với giá 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng); bán cho 01 người đi đường (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Microsolf – RM 1069 với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Toàn bộ số tiền trên T sử dụng để tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 27/02/2017, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Ferrolli biển kiểm soát 35H4-5723 chở chị Quách Thị L về nhà chị L. Trên đường đi về nhà T đi qua cửa hàng điện thoại của anh Bùi Đình T, sinh năm

1987, trú tại xóm 4, thôn T, xã G, huyện G, T phát hiện thấy cửa hàng đang đóng, không có ai trông coi nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T cho xe mô tô dừng ở bụi chuối ven đường để giấu xe, lấy 01 chiếc kéo sắt trong cốp xe rồi đi bộ quay lại cửa hàng điện thoại của anh T. Trên đường đi T nhặt ở rìa đường 01 chiếc túi nilong màu trắng mang theo. T trèo lên cây bên cạnh quán điện thoại lên mái nhà. Phát hiện mái nhà lợp bằng proximang được buộc bằng dây thép, T trèo xuống đất để tìm công cụ vặn dây thép. Khi đi đến cổng nhà anh Bùi Đức C, sinh năm 1987, trú tại xóm 4, T, xã G (gần cửa hàng điện thoại của anh T) thì phát hiện 01 chiếc thang được hàn bằng sắt hộp, dài 3m60, rộng 44cm ở phía ngoài cổng nhà anh C. T nhặt 01 chiếc đinh sắt ở cổng nhà anh C rồi lấy chiếc thang quay lại quán điện thoại. T dựng chiếc thang vào tường quán điện thoại để trèo lên mái, dùng chiếc đinh sắt để vặn đứt dây thép buộc mái proximang. T dùng tay rút 01 miếng mái proximang kích thước (1x1,2)m lên, đặt sang bên cạnh rồi dùng chiếc kéo bằng sắt cắt trần nhựa một khoảng kích thước (60x54)cm. Sau đó T rút chiếc thang sắt lên và luồn chiếc thang vào trong quán qua khoảng mái, trần vừa cắt rồi trèo xuống quán bằng thang. T phát hiện có 01 chiếc kéo bằng sắt cán có vỏ nhựa màu đỏ để ở bàn sửa chữa điện thoại trong cửa hàng nên đã lấy chiếc kéo để cắt dây của quầy trưng bày điện thoại. T mở quầy trưng bày điện thoại lấy 20 chiếc điện thoại di động cũ các loại (gồm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J320, không có pin, vỡ màn hình; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J320, vỡ màn hình; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel Tab 720i, hỏng cảm ứng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vega A850K, hỏng cảm ứng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vega A870K, hỏng màn hình; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vega A870S, hỏng màn hình; 03 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C1, không có pin; 04 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, không có pin; 03 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, không có pin; 03 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 101, không có pin), 03 chiếc sạc dự phòng nhãn hiệu Mi NDY-02AD 10.400mAh, 02 chiếc sạc dự phòng nhãn hiệu POWERBANK 12.000mAh; 01 chiếc sạc dự phòng nhãn hiệu Samsung 12.000mAh; 01 chiếc sạc dự phòng nhãn hiệu Arun POWERBANK-Y38 5.600mAh; 01 micro loa karaoke; 01 đôi loa LF-804; 08 chiếc sim điện thoại; 21 thẻ điện thoại trị giá 1.030.000đ (trong đó có 01 thẻ Viettel mệnh giá 100.000đ, 01 thẻ Viettel mệnh giá 50.000đ, 02 thẻ Viettel mệnh giá 20.000đ, 04 thẻ Vinaphone mệnh giá 100.000đ, 05 thẻ Vinaphone mệnh giá 50.000đ, 07 thẻ Vinaphone mệnh giá 20.000đ, 01 thẻ Mobiphone mệnh giá 50.000đ), tất cả cho vào túi nilong. T phát hiện trên tường của cửa hàng có 01 chiếc camera, sợ bị phát

hiện nên T đã dùng tay gỡ camera ra khỏi tường cho vào túi nilong rồi treo ra ngoài theo lối T vào. T lấy xe mô tô và đi về nhà. Trên đường đi T vứt chiếc camera vào bụi chuối ở rìa đường và vứt chiếc đinh sắt ở dọc đường (*không xác định được vị trí cụ thể*). T giấu toàn bộ số điện thoại trộm cắp được dưới gầm giường tại lán của gia đình. Khoảng 10 giờ ngày 28/02/2017, T cho chị Quách Thị L 01 thẻ Viettel mệnh giá 100.000đ và 01 thẻ Viettel mệnh giá 50.000đ; T sử dụng 02 chiếc sim điện thoại, 02 thẻ Viettel mệnh giá 20.000đ, 07 thẻ Vinaphone mệnh giá 20.000đ. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T mang bán cho cửa hàng điện thoại Lê Vinh của anh Lê Văn V, sinh năm 1984, ở phố C, thị trấn T, huyện H 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung J2, hồng màn hình được 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*); bán cho cửa hàng điện thoại Hoài Nam của anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1975, ở Đội 9, xã Y, huyện Y, tỉnh N 01 điện thoại nhãn hiệu Vega A870K, hồng màn hình được 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*); gửi sửa tại cửa hàng điện thoại Ánh Thư của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986, ở xóm V, xã N, huyện H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vega A870S.

- Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã thu tại hiện trường quán điện thoại của anh Bùi Đình T, xã G, huyện G: 01 chiếc kéo bằng sắt đã bị gỉ, 01 chiếc thang được hàn bằng sắt hộp, dài 3m60, rộng 44cm.

- Ngày 01/3/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Văn T. Kết quả thu giữ tại lán ở tạm của gia đình T dựng trước cửa nhà T cụ thể như sau: 01 điện thoại nhãn hiệu Vega A850K, hồng cảm ứng; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J320, không có pin, vỡ màn hình; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J320, vỡ màn hình; 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel Tab 720i, hồng cảm ứng; 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel V8506, vỡ màn hình; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, vỡ màn hình, thân máy bị cong vênh, biến dạng; 01 điện thoại nhãn hiệu FPT Buk3; 03 sạc pin dự phòng nhãn hiệu MiNDY-02AD 10.400mAh; 02 sạc pin dự phòng nhãn hiệu Powerbank 12.000mAh; 01 sạc pin dự phòng nhãn hiệu Arun powerbank-938 5.600mAh; 01 sạc pin dự phòng nhãn hiệu Samsung 12.000mAh; 01 micro loa karaoke; 04 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, không có pin; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C2, không có pin; 03 điện thoại nhãn hiệu Nokia C1, không có pin; 03 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105, không có pin; 03 điện thoại nhãn hiệu Nokia 101, không có pin; 02 điện thoại nhãn hiệu Masstel A105, không có pin; 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel A116, không có pin; 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel Win A2, không có pin; 01 điện thoại nhãn hiệu Goly G101, không có pin; 01 điện thoại nhãn hiệu Goly G102, không có pin; 01 điện thoại nhãn hiệu Xphone X6319; 01 đôi loa mini; 01 ví giả da màu đen bên trong có số tiền 515.000đ (*năm trăm mười lăm nghìn đồng*), 04 thẻ Vinaphone mệnh giá 100.000đ (*chưa bị cào mã*), 05 thẻ

Vinaphone mệnh giá 50.000đ (*chưa bị cào mã*); 01 thẻ Mobiphone mệnh giá 50.000đ (*chưa bị cào mã*), 01 thẻ Viettel mệnh giá 100.000đ (*đã bị cào mã*), 01 thẻ Viettel mệnh giá 50.000đ (*đã bị cào mã*); 02 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 20.000đ (*đã bị cào mã*); 07 thẻ điện thoại Vinaphone mệnh giá 20.000đ (*đã bị cào mã*); 08 thẻ sim điện thoại (*trong đó 02 thẻ sim đã sử dụng*) và 01 xe mô tô nhãn hiệu Ferroli, màu đỏ đen, BKS 35H4-5723.

- Thu tại nhà Bùi Văn T 01 chiếc kim điện có vỏ nhựa màu đỏ.
- Thu tại bụi cỏ cách 3m so với rìa đường bên phải (*hướng H đi N*), Km số 252+100, quốc lộ 1A, xã G, huyện G 01 chiếc IP camera.
- Anh Quách Văn N tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Microsoft-RM1069.
- Anh Nguyễn Huy H tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại nhãn hiệu FPT Buk2, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1110i, không có pin, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1202, không có pin, 01 điện thoại nhãn hiệu Vega A870K, hỏng màn hình.
- Anh Lê Văn V tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J2, hỏng màn hình.
- Anh Phạm Quốc H tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Microsoft-RM1069.
- Chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Microsoft-RM1069.
- Anh Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Vega A870S, hỏng màn hình.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự(BLTTHS).

Tại Bản cáo trạng số 40/CT- VKS, ngày 29/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Bùi văn T ra tr- ớc Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử(HĐXX) tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản ". Áp dụng Điều 138 khoản 2 điểm c, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (BLHS) xử phạt Bùi Văn T từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù. Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng Điều 41, 42 BLHS, khoản 2 Điều 76 BLTTHS : Tịch thu sung công quỹ nhà n- ớc 01 xe mô tô nhãn hiệu Ferroli sơn màu đỏ đen, BKS 35H4-5723 là phương tiện T sử dụng vào việc phạm tội; Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo bằng sắt đã bị ghi; 01 chiếc kim điện, cán có vỏ nhựa màu đỏ; 01 túi ni long màu xanh; 01 chiếc túi ni long màu trắng;

11 thẻ điện thoại đã bị cào mã (trong đó có 07 thẻ Vinaphone mệnh giá 20.000đ, 02 thẻ Viettel mệnh giá 20.000đ, 01 thẻ Viettel mệnh giá 50.000đ và 01 thẻ Viettel mệnh giá 100.000đ) là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng; Trả lại cho T 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, vỡ màn hình, thân máy bị cong vênh, biến dạng, về số tiền 15.000 đồng nh-ng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án; Trả cho anh Lê Văn V số tiền 300.000 đồng và trả cho anh Nguyễn Huy H số tiền 200.000 đồng trong số tiền 500.000 đồng thu giữ của T. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 42 BLHS, các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự(BLDS): Buộc Bùi Văn T bồi thường giá trị của 4 chiếc điện thoại và bồi thường giá trị mái tôn, trần nhựa bị hư hỏng cho anh Lê Chiến C với tổng giá trị tiền là 3.000.000 đồng; Bồi thường giá trị của số sim, thẻ đã sử dụng và bồi thường giá trị trần nhựa bị hỏng cho anh Bùi Đình T với tổng giá trị tiền là 930.000 đồng; Bồi thường số tiền 100.000 đồng cho anh Nguyễn Huy H, là tiền anh H mua 03 chiếc điện thoại của Bùi Văn T; Bồi thường số tiền 400.000 đồng cho anh Phạm Quốc H, là tiền anh H mua 01 chiếc điện thoại của Bùi Văn T; Bồi thường bồi thường số tiền 250.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Kim T, là tiền chị T mua 01 chiếc điện thoại của Bùi Văn T.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời thú nhận của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện: Xuất phát từ việc tối ngày 18/02/2017, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Ferrolì biển kiểm soát 35H4-5723 chở bạn là chị Quách Thị L, trú tại xóm 2, P, xã G, huyện G, tỉnh N về nhà chị L. Khoảng 23h30 cùng ngày, trên đường trở về nhà, đi qua cửa hàng điện thoại của anh Lê Chí C, sinh năm 1986, tại đường 477, thôn T, xã G, huyện G, T phát hiện thấy cửa hàng đang đóng, không có ai trông coi. T liền cho xe mô tô dừng ở hàng cây rìa đường để giấu xe, sau đó mở cốp xe mô tô lấy 01 chiếc kìm điện rồi đi bộ quay lại cửa hàng điện thoại của anh C. T trèo lên cây bên cạnh quán điện thoại lên mái nhà rồi dùng kìm điện để vắn ốc vít của mái tôn, cắt mái tôn một khoảng kích thước (54x110)cm và cắt trần nhựa một khoảng kích thước (37x51)cm, rồi chui người vào trong cửa hàng điện thoại. T đã chiếm đoạt được 20 chiếc điện thoại di động cũ các loại. Khi thực hiện xong hành vi thời gian đã sang ngày 19/02/2017. Số điện thoại trên T đã đem 10 chiếc đi tiêu thụ. Toàn bộ số tiền bán được trên T sử dụng để tiêu sài cá nhân hết.

Không dừng lại ở đó, đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 27/02/2017, T vẫn dùng xe mô tô nhãn hiệu Ferrolì biển kiểm soát 35H4-5723 chở chị Quách Thị L

về nhà chị L. Trên đường đi về nhà T đi qua cửa hàng điện thoại của anh Bùi Đình T, sinh năm 1987, trú tại xóm 4, thôn T, xã G, huyện G, phát hiện thấy cửa hàng đang đóng, không có ai trông coi T liền cho xe mô tô dừng ở bụi chuối ven đường để giấu xe, lấy 01 chiếc kéo sắt trong cốp xe rồi đi bộ quay lại cửa hàng điện thoại của anh T. T trèo lên cây bên cạnh quán điện thoại lên mái nhà. Phát hiện mái nhà lợp bằng proximang được buộc bằng dây thép, T trèo xuống đất để tìm công cụ vận dây thép. Khi đi đến cổng nhà anh Bùi Đức C, sinh năm 1987, trú tại xóm 4, T, xã G (gần cửa hàng điện thoại của anh T) thì phát hiện 01 chiếc thang được hàn bằng sắt hộp, dài 3m60, rộng 44cm ở phía ngoài cổng nhà anh C. T nhặt 01 chiếc đinh sắt ở cổng nhà anh C rồi lấy chiếc thang quay lại quán điện thoại. T dựng chiếc thang vào tường quán điện thoại để trèo lên mái, dùng chiếc đinh sắt để vận đứt dây thép buộc mái proximang. T dùng tay rút 01 miếng mái proximang kích thước (1x1,2)m lên, đặt sang bên cạnh rồi dùng chiếc kéo bằng sắt cắt trần nhựa một khoảng kích thước (60x54)cm. Sau đó T đột nhập vào quán bằng thang sắt đã nêu trên. T mở quầy trưng bày điện thoại chiếm đoạt được 20 chiếc điện thoại di động cũ các loại 07 chiếc sạc dự phòng các loại, 01 micro loa karaoke; 01 đôi loa LF-804; 08 chiếc sim điện thoại; 21 thẻ điện thoại. T phát hiện trên tường của cửa hàng có 01 chiếc camera, sợ bị phát hiện nên T đã dùng tay gỡ camera ra khỏi tường cho vào túi nilong rồi trèo ra ngoài theo lối T vào. Trên đường đi T vứt chiếc camera vào bụi chuối ở rìa đường và vứt chiếc đinh sắt ở dọc đường (*không xác định được vị trí cụ thể*). Bị cáo đã sử dụng một số thẻ điện thoại, và mới chỉ kịp mang đi tiêu thụ 02 chiếc điện thoại thì bị phát hiện. Rõ ràng đêm ngày 18/02/2017, rạng sáng ngày 19/02/2017 và đêm ngày 27/02/2017, rạng sáng ngày 28/02/2017 bị cáo đã lợi dụng đêm tối, lén lút đột nhập vào cửa hàng của các anh Lê Chiến C và Bùi Đình T chiếm đoạt được tổng cộng 40 chiếc điện thoại di động cũ các loại 07 chiếc sạc dự phòng các loại, 01 micro loa karaoke; 01 đôi loa LF-804; 08 chiếc sim điện thoại; 21 thẻ điện thoại có trị giá theo kết luận ngày 02/3/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện G là 16.930.000 đồng.

Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của ng-ời bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, trị giá tài sản bị chiếm đoạt và nhân thân đã có 04 tiền án Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân đ-ợc pháp luật hình sự bảo vệ.

Bị cáo không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính, mong muốn kiếm tiền bất chính dẫn đến phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng đêm tối và sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để ra tay chiếm đoạt tài sản thể hiện thái độ liều lĩnh, coi thường kỷ cương luật pháp, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có 04 tiền án lần phạm tội này lại liên tiếp thực hiện hai lần phạm tội liên tiếp là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Đòi hỏi phải có biện pháp xử lý nghiêm minh bằng cách cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, cải tạo giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời mang tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 BLHS.

Về hình phạt bổ sung:

Xét bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với thiệt hại của anh Lê Chiến C, quá trình điều tra anh đã nhận lại hầu hết số tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, chỉ còn 04 chiếc điện thoại nhãn hiệu Microsoft RM 1069 có trị giá theo kết luận định giá là 2.000.000 đồng, và thiệt hại phần trần nhựa, mái tôn. Anh C đã có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền tổng cộng là 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho anh C số tiền là 3.000.000 đồng nên cần chấp nhận.

Đối với thiệt hại của anh Bùi Đình T, quá trình điều tra anh đã nhận lại hầu hết số tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, chỉ còn 02 sim đã sử dụng và 11 thẻ điện thoại đã bị cào mã có trị giá theo kết luận định giá là 430.000 đồng, và thiệt hại phần trần nhựa mà bị cáo đã cắt. Anh T đã có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền tổng cộng là 930.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho anh T số tiền là 930.000 đồng nên cần chấp nhận.

Đối với thiệt hại của anh Lê Văn V do ngay tình khi mua điện thoại của bị cáo, quá trình chuẩn bị xét xử anh đã có đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không buộc bị cáo phải bồi thường cho anh V. Do đó phần tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo (trong tổng số tiền là 515.000 đồng) do bán điện thoại cho anh V mà có sẽ được sung quỹ Nhà nước.

Đối với thiệt hại của các anh Nguyễn Huy H là 300.000 đồng. Do đã thu giữ của bị cáo 515.000 đồng trong đó có số tiền bán điện thoại cho anh H được là 200.000 đ nên số tiền này sẽ được trả lại cho anh H. Phần còn thiếu bị cáo phải có trách nhiệm tiếp tục bồi thường.

Đối với thiệt hại của anh Phạm Quốc H là 400.000 đồng, chị Nguyễn Thị Kim T là 250.000 đồng những người này ngay tình khi mua điện thoại do bị cáo trộm cắp mà có, tại phiên tòa bị cáo cũng nhất trí bồi hoàn cho các anh chị nêu trên với số tiền tương ứng đã nêu nên cần chấp nhận. Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Microsorft RM 1069 anh Kiều Việt D mua của bị cáo với giá 300.000 đồng, nhưng sau đó anh D đã bán lại cho người khác không quen biết nên không thu hồi được. Chiếc điện thoại nhãn hiệu Microsorft RM 1069 này nằm trong số 04 chiếc điện thoại Microsorft RM 1069 không thu hồi được và bị cáo đã nhận của anh D 300.000 đồng nhưng đã phải bồi thường cho anh C như nêu trên, nên anh D và bị cáo không phải có trách nhiệm dân sự gì cho nhau.

Đối với chiếc điện thoại anh Quách Văn N giao nộp cho cơ quan điều tra là do bị cáo cho anh N, anh N cũng không có đề nghị gì nên không xét.

Đối với số thẻ điện thoại bị cáo cho chị Quách Thị L, chị L không biết là tài sản trộm cắp và đã cào mã để sử dụng. Tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu gì đối với chị L nên Tòa không xét.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Vega A870S gửi sửa tại cửa hàng điện thoại Ánh Thư của anh Nguyễn Văn T, anh T đã giao nộp và không có yêu cầu gì nên Tòa không xét.

Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 515.000 đồng là tiền do T bán 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J2 cho anh Lê Văn V được 300.000đ và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vega A870K cho anh Nguyễn Huy H được 200.000đ đã được nhận định xử lý như nêu trên, còn lại số tiền 15.000 đồng thu giữ của T không liên quan tội phạm cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 chiếc kéo bằng sắt đã bị ghi; 01 chiếc kim điện, cán có vỏ nhựa màu đỏ; 01 túi ni long màu xanh; 01 chiếc túi ni long màu trắng là công cụ thực hiện tội phạm cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Ferroli sơn màu đỏ đen, BKS 35H4-5723 là tài sản của bị cáo nhưng dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu xung quỹ Nhà nước.

Đối với 11 thẻ điện thoại đã bị cào mã trong đó có 07 thẻ Vinaphone mỗi thẻ mệnh giá 20.000đ, 02 thẻ viettel mỗi thẻ mệnh giá 20.000đ, 01 thẻ Viettel

mệnh giá 50.000đ và 01 thẻ Viettel mệnh giá 100.000đ, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận đã sử dụng hết số tiền trong thẻ, và bị cáo cũng đã phải bồi thường trị giá số thẻ này. Số thẻ này không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, vỡ màn hình, thân máy bị cong vênh, biến dạng là tài sản của bị cáo không liên quan tội phạm cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với thiệt hại về mái tôn, trần nhựa của các anh C, C giá trị nhỏ, còn chiếc camera của anh T bị bị cáo tháo xuống nhưng bị cáo không có ý định chiếm đoạt, không làm hư hỏng gì(chiếc camera cũng đã được thu hồi trả lại cho anh T) nên bị cáo không phạm tội cố ý làm hư hỏng tài sản trong vụ án này. Thiệt hại mái tôn, trần nhựa cũng đã được tính vào trách nhiệm dân sự của bị cáo như đã nêu trên.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 03 (Ba) năm tù thời tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/3/2017.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho anh Nguyễn Huy H 200.000đ trong tổng số tiền 515.000 đồng thu giữ của bị cáo hiện gửi tại Chi cục Thi hành án huyện G.

- Trả lại cho bị cáo 15.000đ trong tổng số tiền 515.000 đồng thu giữ của bị cáo hiện gửi tại Chi cục Thi hành án huyện G và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, vỡ màn hình, thân máy bị cong vênh, biến dạng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu xung quỹ Nhà nước 300.000đ trong tổng số tiền 515.000 đồng thu giữ của bị cáo hiện gửi tại Chi cục Thi hành án huyện G.

- Tịch thu xung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Ferroli sơn màu đỏ đen, BKS 35H4-5723.

- Tịch thu tiêu hủy 11 thẻ điện thoại đã bị cào mã trong đó có 07 thẻ Vinaphone mỗi thẻ mệnh giá 20.000đ, 02 thẻ Viettel mỗi thẻ mệnh giá 20.000đ, 01 thẻ Viettel mệnh giá 50.000đ và 01 thẻ Viettel mệnh giá 100.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo bằng sắt đã bị ghi; 01 chiếc kim điện, cán có vỏ nhựa màu đỏ; 01 túi ni long màu xanh; 01 chiếc túi ni long màu trắng.

Đặc điểm chi tiết các vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 BLHS, các điều 584, 585, 589 BLDS.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Chiến C số tiền 3.000.000 đồng

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Bùi Đình T số tiền 930.000 đồng.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Quốc H số tiền là 400.000 đồng.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền là 250.000 đồng.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Huy H số tiền là 100.000 đồng.

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000^d (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;

- Công an huyện;

- Thi hành án;

- Viện kiểm sát;

- Bị cáo; người tham gia TT khác;

- Lưu HS, VP.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

NGUYỄN HỮU QUỐC

